

## MỤC LỤC

### THƠ VĂN LÝ — TRẦN

#### TẬP I

— Lời nói đầu	7
— Tân san Việt âm thi tập tự (Đề tựa tập thơ Việt âm mới san định)	11
— Tân tuyển Việt âm thi tập tự (Đề tựa tập thơ Việt âm mới được lựa chọn lại)	13
— Trích diễm thi tập tự (Đề tựa Trích diễm thi tập)	16
— Toàn Việt thi lục lệ ngôn (Mấy lời về thể lệ sách Toàn Việt thi lục)	20
— Đề tựa bản dịch «Thơ đời Lý và đời Trần»	28



— ĐẶNG THAI MAI: Mấy điều tâm đắc về một thời đại dẫn học	29
---	----



#### PHẦN THỨ NHẤT

#### KHẢO LUẬN VĂN BẢN

— Nhiệm vụ cấp bách đối với nền văn học Lý — Trần	49
— Xác minh văn bản hay là lịch sử các nguồn tài liệu	61
1. Thời kỳ thứ nhất: Yêu cầu phục hưng dân tộc ở thế kỷ XV và việc sưu tập các nguồn tài liệu văn học, sử học Lý — Trần	63
A. Các tuyển tập thơ	64
B. Các tuyển tập phú và tản văn	80
C. Các tuyển tập văn học dân gian	82
D. Các bộ sử	97
2. Thời kỳ thứ hai: Sự sa sút của đạo Nho ở thế kỷ XVII — XVIII mở ra trước mắt nhà sưu tầm những nguồn tài liệu mới mẻ	106
A. Nguồn sách vở của nhà Phật	107
B. Nguồn tài liệu trên bia đá chuông đồng	124
C. Nguồn tài liệu nước ngoài	126
D. Các bộ hợp tuyển thơ văn	127

3. Thời kỳ thứ ba: Con đường đi tìm nguồn tài liệu văn học nôm Lý — Trần ở nửa đầu thế kỷ XX	140
A. Về các tác phẩm chữ Hán	143
B. Về thơ nôm luật Đường	145
C. Về các bài phú nôm	148
D. Về những giả thuyết xung quanh một vài cuốn truyện nôm lục bát	151
III — Từ thực tế công tác văn bản, thử tìm mấy phương hướng nhằm khôi phục và giới thiệu lại diện mạo văn học Lý — Trần	157
1. Mở rộng khái niệm « bản gốc »	160
2. Bổ sung văn viết bằng văn nói	166
3. Nhận thức đầy đủ các loại hình văn học Lý — Trần	170
<b>PHẦN THỨ HAI</b>	
<b>THƠ VĂN LÝ — TRẦN</b>	
NGÔ QUYÊN:	197
1. Dự đại phá Hoàng Thao chỉ kẻ (Bày kế đánh tan quân Hoàng Thao)	198
KHUYẾT DANH:	
2. Sấm thi (Thơ sấm)	200
ĐỖ PHÁP THUẬN:	202
3. Đáp Quốc vương quốc tộ chi vấn (Trả lời nhà vua hỏi về ngôi nước)	204
KHUYẾT DANH:	
4. Tán Đẳng-châu thổ thần (Khen ngợi thổ thần ở Đẳng-châu)	205
5. Yếu thắng (Muốn thắng lợi)	206
NGÔ CHÂN LƯU (KHUÔNG VIỆT):	208
6. Vương lang quy (Chàng Vương trở về)	209
7. Thủy chung (Thủy chung)	210
8. Nguyên hỏa (Nguyên hỏa)	211
KHUYẾT DANH:	
9. Phạt pháp, I (Phép Phạt, I)	212
10. Phạt pháp, II (Phép Phạt, II)	212
NGUYỄN VĂN HẠNH:	214
11. Kỵ Đỗ Ngân (Gửi Đỗ Ngân)	214
12. Khuyển Lý Công Uẩn (Khuyên Lý Công Uẩn)	215
13. Quốc tự (Chữ « quốc »)	217
14. Yết bằng thị chúng (Treo bằng nói rõ với mọi người)	217
15. Thị đệ tử (Bảo các đồ đệ)	218

## KHUYẾT DANH :

16. Đại sơn (Núi lớn)	219
17. Đại đức (Đức lớn)	220
18. Xuất xứ (Xuất và xứ)	221
19. Sấm ngôn (Lời sấm)	222
20. Chính Nam (Hương Nam)	221
21. Tây vọng (Nhìn về hướng Tây)	225
22. Chính Bắc (Hương Bắc)	226

## LÝ CÔNG UẨN (THÁI TỒ) :

23. Thiên đô chiếu (Chiếu dời đô)	227
24. Chính hoàn quá Biện-khâu, ngộ bạo phong sấm vũ, đảo vu thiên (Chính phật trở về qua vũng Biện, gặp sấm to gió lớn, khấn trời)	229
	231

## Phụ lục :

25. Khuyển Lý Công Uẩn tức đế vị (Khuyến Lý Công Uẩn lên làm vua)	232
---	-----

## LÃ ĐỊNH HƯƠNG :

26. Chân dữ huyện (Chân và huyện)	237
-----------------------------------	-----

## THIÊN LÃO :

27. Nhật nguyệt, I (Ngày tháng, I)	239
28. Nhật nguyệt, II (Ngày tháng, II)	239

## LÝ PHẬT MÃ (THÁI TÔNG) :

29. Thị chư Thiên lão tham vấn Thiên chỉ (Trả lời các vị Thiên lão hỏi về yếu chỉ đạo Thiên)	241
30. Truy tán Tỳ-ni-đa-lưu-chi Thiên sư (Truy tán Thiên sư Tỳ-ni-đa-lưu-chi)	242
31. Bình Nùng chiếu (Chiếu đánh dẹp họ Nùng)	243
32. Đáp quần thần thỉnh liễn vị hiệu (Đáp lời quần thần xin dâng thêm tôn hiệu)	245
33. Xá thuế chiếu (Chiếu xá thuế)	247

## Phụ lục :

34. Dữ tả hữu nghị sự (Bàn bạc cùng tả hữu)	248
---	-----

## ĐÀM CỨU CHỈ :

35. Tâm pháp (Tâm và pháp)	253
----------------------------	-----

## LÂM KHU (HUỆ SINH) :

36. Đáp Lý Thái Tông tâm nguyện chi vấn, I (Trả lời Lý Thái Tông hỏi về tâm nguyện, I)	257
37. Đáp Lý Thái Tông tâm nguyện chi vấn, II (Trả lời Lý Thái Tông hỏi về tâm nguyện, II)	257
38. Thủy hỏa, I (Nước và lửa, I)	258
39. Thủy hỏa, II (Nước và lửa, II)	259

LÝ NHẬT TÔN (THÀNH TÔNG):	261
40. Ngộ đại hàn, vị tả hữu bách quan (Gặp tiết đại hàn, bảo các quan tả hữu)	261
41. Cổ Động Thiên công chúa, vị ngục lại (Nhìn công chúa Động Thiên, bảo ngục lại)	263
ĐÀM KHÍ (NGỘ ẮN):	264
42. Thị lịch (Dẫn lại trước khi mất)	264
MAI TRỰC (VIÊN CHIẾU):	266
43. Tham đồ hiển quyết (Chỉ rõ bí quyết đạo Thiên chổ môn đệ)	267
44. Tâm không (Cái tâm là không)	293
LÊ VĂN THỊNH:	294
45. Kỳ Hùng Bản thư (Thư gửi Hùng Bản)	295
Phụ lục:	
46. Dữ Tống sứ tranh biện (Biện luận với sứ Tống)	296
LÝ TRƯỜNG (MÃN GIÁC):	298
47. Cáo tật thị chúng (Cáo bệnh bảo mọi người)	298
VƯƠNG HẢI THIỀM (CHÂN KHÔNG):	300
48. Đáp đệ tử diêu đạo chi vấn (Trả lời đồ đệ hỏi về diêu đạo)	300
49. Cảm hoài (Cảm hoài)	304
CHU VĂN THƯỜNG:	305
50. An-hoạch sơn Báo-ân tự bi ký (Bài ký bia chùa Báo-ân núi An-hoạch)	305
ĐÀO THUẦN CHÂN:	316
51. Thị đệ tử Bản Tịch (Bảo học trò là Bản Tịch)	316
LÝ THƯỜNG KIỆT:	318
52. Phạt Tống lộ bố văn (Bài văn lộ bố khi đánh Tống)	319
53. Nam quốc sơn hà (Núi sông nước Nam)	321
Phụ lục:	
54. Thỉnh đế suất quân thảo Lý Giác (Xin vua cho cầm quân đi đánh Lý Giác)	322
LÝ THỪA ẮN:	324
55. Bảo-ninh Sùng-phúc tự bi (Văn bia chùa Bảo-ninh Sùng-phúc)	324
ĐOÀN VĂN KHÂM:	335
56. Tặng Quảng Trí Thiền sư (Tặng Thiền sư Quảng Trí)	335
57. Văn Quảng Trí Thiền sư (Viếng Thiền sư Quảng Trí)	336
58. Diêu Chân Không Thiền sư (Viếng Thiền sư Chân Không)	337
LÝ NGỌC KIỆU (DIỆU NHÂN):	339
59. Sinh lão bệnh tử (Sinh lão bệnh tử)	339

KIỀU TRÍ HUYỀN :	341
60. <i>Đáp Từ Đạo Hạnh chân tâm chi vấn</i> (Trả lời Từ Đạo Hạnh hỏi về chân tâm)	341
TỪ LỘ (ĐẠO HẠNH) :	343
61. <i>Thất châu</i> (Mất hạt châu)	343
62. <i>Hữu không</i> (Có và không)	345
63. <i>Vấn Kiều Tri Huyền</i> (Hỏi Kiều Tri Huyền)	346
64. <i>Thị tịch cáo đại chúng</i> (Sắp mất báo mọi người)	347
Phu lục :	
65. <i>Giáo trò</i>	348
KHUYẾT DANH :	
66. <i>Cộng hành</i> (Chung đường)	349
VẠN TRÌ BÁT :	350
67. <i>Hữu tử tất hữu sinh</i> (Có tử ắt có sinh)	350
LÊ THỊ Ỡ LAN :	352
68. <i>Sắc không</i> (Sắc và không)	353
PHÁP BẢO (GIÁC TỈNH HẢI CHIẾU) :	354
69. <i>Ngưỡng-sơn Linh-xứng tự bi minh</i> (Văn bia chùa Linh-xứng núi Ngưỡng-sơn)	354
70. <i>Sùng-nghiêm Diên-thánh tự bi minh</i> (Văn bia chùa Sùng-nghiêm Diên-thánh)	368
DƯƠNG KHÔNG LỘ :	384
71. <i>Ngôn hoài</i> (Tổ nổi cảm hoài)	385
72. <i>Ngư nhân</i> (Cái nhàn của làng chài)	386
KHUYẾT DANH :	
73. <i>Trình sư</i> (Trình thầy)	387
NGUYỄN CÔNG BÁT :	388
74. <i>Đại Việt quốc đương gia đệ tử đệ Sùng-thiện Diên-linh tháp bi</i> (Bia tháp Sùng-thiện Diên-linh của vua thứ tư [nhà Lý], đương làm chủ nước Đại Việt)	388
KHUYẾT DANH :	
75. <i>Càn-ni sơn Hương-nghiêm tự bi minh</i> (Văn bia chùa Hương-nghiêm núi Càn-ni)	421
LÝ CÀN ĐỨC (NHÂN TÔNG) :	432
76. <i>Truy tán Vạn Hạnh Thiền sư</i> (Truy tán Thiền sư Vạn Hạnh)	432
77. <i>Tán Giác Hải Thiền sư, Thông Huyền Đạo nhân</i> (Khen Thiền sư Giác Hải và Đạo nhân Thông Huyền)	434

78. <i>Truy tán Sùng Phạm Thiền sư</i> (Truy tán Thiền sư Sùng Phạm)	435
79. <i>Thỉnh hoàn Vật-dương, Vật-ác nhị động biểu</i> (Biểu đòi hai động Vật-dương, Vật-ác)	436
80. <i>Thảo Ma-sa động hịch</i> (Hịch đánh động Ma-sa)	438
81. <i>Làm chung di chiếu</i> (Chiếu để lại lúc sắp mất)	439
NGUYỄN GIÁC HẢI:	443
82. <i>Bất giác nữ đầu bạch</i> (Ai biết má đào mà bạc tóc)	443
83. <i>Hoa điệp</i> (Hoa và bướm)	444
NGUYỄN TUÂN (GIỚI KHÔNG):	446
24. <i>Sinh tử</i> (Sống chết)	446
HOÀNG VIÊN HỌC:	448
85. <i>Văn chung</i> (Nghe tiếng chuông)	448
DĨNH ĐẠT:	450
86. <i>Viên-quang tự bi minh tinh tự</i> (Văn bia chùa Viên-quang)	450
NGUYỄN KHÁNH HỸ:	458
87. <i>Đáp Pháp Dung sắc, không, phàm, thánh chi văn</i> (Trả lời sư Pháp Dung hỏi về sắc, không, phàm, thánh)	458
NGUYỄN NGUYỄN ỨC (VIÊN THÔNG):	460
88. <i>Thiên hạ hưng vong trị loạn chi nguyên luận</i> (Bản về nguồn gốc hưng vong, trị loạn của thiên hạ)	461
KHUYẾT DANH:	
89. <i>Cự Việt quốc Thái úy Lý công thạch bi minh tự</i> (Văn bia về Thái úy Lý công nước Đại Việt)	463
PHAN TRƯỜNG NGUYỄN:	474
90. <i>Quy thanh chương</i> (Về núi xanh)	474
91. <i>Thị đạo</i> (Nói về đạo)	475
NGÔ TỊNH KHÔNG:	477
92. <i>Nhất nhật hội chúng</i> (Một buổi họp mặt học trò)	477
KIỀU PHÙ (BẢO GIÁM):	482
93. <i>Cảm hoài, I</i> (Cảm hoài, I)	482
94. <i>Cảm hoài, II</i> (Cảm hoài, II)	482
BẢO GIÁC:	484
95. <i>Quy tịch</i> (Trở về cõi tịch mịch)	484

ÂU ĐẠO HUỆ :	486
96. <i>Sắc thân dữ diệu thể, I</i> (Sắc thân và diệu thể, I)	486
97. <i>Sắc thân dữ diệu thể, II</i> (Sắc thân và diệu thể, II)	486
KHUYẾT DANH :	
98. <i>Phụng Thánh phu nhân Lê thị mộ chí</i> (Mộ chí của phu nhân Phụng Thánh họ Lê)	488
NGUYỄN NGUYỄN HỌC :	499
99. <i>Đạo vô ảnh tượng</i> (Đạo không hình bóng)	499
100. <i>Liễu ngộ thân tâm</i> (Hiểu rõ thân tâm)	500
KHUYẾT DANH :	
101. <i>Thế sự</i> (Sự thế)	502
LÝ THIÊN TÔ (ANH TÔNG) :	504
102. <i>Lâm chung chúc Thái tử</i> (Dặn Thái tử lúc sắp mất)	504
KIỀU BẮN TỊNH :	506
103. <i>Phát đại nguyện</i> (Nói ra ý nguyện lớn của mình)	506
104. <i>Kính trung xuất hình tượng</i> (Bóng hiện trong gương)	507
105. <i>Nhất quỹ</i> (Một con đường)	508
LÊ THUỐC (TRÍ THIỀN) :	509
106. <i>Thị Thái úy Tô Hiến Thành, Thái bảo Ngô Hòa Nghĩa</i> (Bảo Thái úy Tô Hiến Thành và Thái bảo Ngô Hòa Nghĩa)	509
107. <i>Đạm nhiên</i> (Lặng lẽ hồn nhiên)	510
HỨA ĐẠI XÃ :	512
108. <i>Thạch mã</i> (Ngựa đá)	513
109. <i>Chân tình</i> (Chân tình)	514
KHUYẾT DANH :	
110. <i>Ngô Phụ quốc, Lê Đô quan</i> (Phụ quốc họ Ngô và Đô quan họ Lê)	515
NGUYỄN TRÍ BẢO :	517
111. <i>Tạ Đạo Huệ Thiền sư, I</i> (Cảm tạ Thiền sư Đạo Huệ, I)	517
112. <i>Tạ Đạo Huệ Thiền sư, II</i> (Cảm tạ Thiền sư Đạo Huệ, II)	517
113. <i>Đáp nhân tri túc chi vấn</i> (Trả lời người hỏi về hai chữ « tri túc »)	518
NGUYỄN QUẢNG NGHIÊM :	521
114. <i>Hưu hướng Như lai</i> (Đừng theo bước Như lai)	521
TÔ MINH TRÍ :	523
115. <i>Hy dụ</i> (Hy dụ)	523
116. <i>Tầm hướng</i> (Tìm iếng vọng)	524

ĐÀM DĨ MÔNG :	525
117. <i>Phán tăng đồ</i> (Lên án tin đồ nhà Phật)	525
NGUYỄN THƯỜNG :	527
118. <i>Gián Lý Cao Tông hiểu văn bi thiết chi thanh</i> (Khuyên vua Lý Cao Tông không nên mê đắm âm nhạc buồn thảm)	527
KHUYẾT DANH :	
119. <i>Gián Lý Cao Tông đại hưng lâu các</i> (Khuyên vua Lý Cao Tông đừng xây dựng cung điện)	529
PHẠM THƯỜNG CHIẾU :	531
120. <i>Tâm</i> (Tâm)	531
121. <i>Đạo</i> (Đạo)	532
VŨ CAO :	533
122. <i>Ứng-minh tri dị sự</i> (Chuyện lạ về ao Ứng-minh)	533
CHU HẢI NGUNG (TỊNH GIỚI) :	535
123. <i>Hãn tri âm, I</i> (Ít tri âm, I)	535
124. <i>Hãn tri âm, II</i> (Ít tri âm, II)	535
LÝ LONG TRÁT (CAO TÔNG) :	537
125. <i>Truy hồi tiền quá chiếu</i> (Chiếu hồi lỗi)	537
NGUY TỰ HIỀN :	539
126. <i>Bảo-ân thiển tự bi ký</i> (Bài ký bia chùa Bảo-ân)	539
NGUYỄN Y SƠN :	550
127. <i>Thành chính giác</i> (Thành Phật)	550
128. <i>Hóa vận</i> (Biến hóa và chuyển vận)	551
129. <i>Ngôn chi</i> (Nói chi minh)	552
LÊ THUẦN (HIỆN QUANG) :	553
130. <i>Đáp tăng vấn</i> (Trả lời một tăng đồ)	553
131. <i>Huyền pháp</i> (Huyền pháp)	554
TRẦN TỰ KHÁNH :	555
132. <i>Thỉnh đế phẫn giá kinh sư</i> (Tâu xin vua quay xa giá về kinh sư)	555
LÝ HẠO SÂM (HUỆ TÔNG) :	557
133. <i>Thảo Trần Tự Khánh chiếu</i> (Chiếu đánh dẹp Trần Tự Khánh)	557
Phụ lục :	
134. <i>Lý Huệ Tông dục tôn vị ư Trần Cảnh chi tranh biện</i> (Cuộc tranh luận về việc Lý Huệ Tông muốn nhường ngôi cho Trần Cảnh)	559
KHUYẾT DANH :	
135. <i>Thiện vị chiếu</i> (Chiếu nhường ngôi)	562
KHUYẾT DANH :	
136. <i>Nhật đăng sơn</i> (Mặt trời gác núi)	565



## PHỤ LỤC

## CÁC BẢNG TRA CỨU

I — Niên biên	571
II — Các sự kiện lịch sử và văn hóa	575
III — Tác phẩm đã mất hoặc không chọn	582
IV — Tra cứu tên đất	585
V — Tra cứu tên người	590
VI — Tra cứu tên tác phẩm	600
VII — Tra cứu thuật ngữ và điển tịch	614
VIII — Tài liệu và sách báo tham khảo chính	620